

**TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **35/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05.9.2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Dich**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01.8.2022, quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HN ngày 16.8.2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Diễm P, sinh năm 1996. Có mặt

* **Bị đơn:** ông Trần Thanh H, sinh năm 1974. Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 1, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng

Hiện trú tại: số 01 Lê Thuộc, phường PM, quận S, TP Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Dương Thị Diễm P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Trần Thanh H kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mân Thái. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại số 01 Lê Thuộc, phường PM, quận S, TP. Đà Nẵng.

Chúng tôi phát sinh mâu thuẫn từ tháng 1.2022 nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, do vấn đề con riêng con chung nên gia đình có bất hòa dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng tôi không hề có trách nhiệm gì với vợ con, hiện nay tôi cùng hai con đã dọn ra ngoài sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: Bà Dương Thị Diễm P xác định bà và ông Trần Thanh H có 02 con chung là Trần Dương Minh P, sinh ngày 11.3.2017 và Trần Dương Minh T, sinh ngày 11.8.2019. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con

chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi con chung là 14.250.000 đồng. Nay xét thấy không cần thiết nên tôi không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: không có.

*** Bị đơn là ông Trần Thanh H** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Dương Thị Diễm P kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Trần Thanh H không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Dương Thị Diễm P và ông Trần Thanh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường Phước Mỹ xác nhận nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HN&GD đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Diễm P.

Về con chung có 02 con chung là Trần Dương Minh P, sinh ngày 11.3.2017 và Trần Dương Minh T, sinh ngày 11.8.2019. Nguyên vọng của bà Dương Thị Diễm P xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Trần Thanh H cấp dưỡng nuôi. Hiện nay con chung đang ở với bà Dương Thị Diễm P nên cần giao con chung cho bà P nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD.

Về cấp dưỡng nuôi con bà P không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết không có nên không xét.
- Về nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Dương Thị Diễm P và ông Trần Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 16.8.2022 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Trần Thanh H, nhưng ông Trần Thanh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Thanh H.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Diễm P và ông Trần Thanh H thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Diễm P và ông Trần Thanh H kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND phường MT, quận S, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại số 01 Lê Thước, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng.

Theo bà Dương Thị Diễm P trình bày mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung, do vấn đề con riêng con chung nên gia đình luôn bất hòa dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng tôi không hề có trách nhiệm gì với vợ con, hiện nay bà P cùng hai con đã dọn ra ngoài sinh sống. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh H.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Thanh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông Xin không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo xác minh tại UBND phường MT, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà P và ông H mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà P và ông H không còn chung sống với nhau, bà P đã cùng con dọn ra ngoài sống. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Dương Thị Diễm P khai nhận bà và ông Trần Thanh H có 02 con chung là Trần Dương Minh P, sinh ngày 11.3.2017 và Trần Dương Minh T, sinh ngày 11.8.2019. Ly hôn bà P xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay 02 con chung đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà P nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà P xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà P và ông H có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà Dương Thị Diễm P phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Diễm P đối với ông Trần Thanh H

Tuyên xử: bà Dương Thị Diễm P, sinh năm 1996, được ly hôn với ông Trần Thanh H, sinh năm 1974.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 của UBND phường MT, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 08.6.2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên: Giao 02 con chung là là Trần Dương Minh P, sinh ngày 11.3.2017 và Trần Dương Minh T, sinh ngày 11.8.2019 cho bà Dương Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Bà Dương Thị Diễm P không yêu cầu ông Trần Thanh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Dương Thị Diễm P phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006255 ngày 05.7.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Như vậy, bà P đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Mân Thái
q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy